TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4- 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy

Ông Hoàng Văn Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị M, sinh năm 1991
Nơi đăng ký HKTT: Số 07/75, Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.
Địa chỉ hiện nay: Xóm 5, xã Bắc L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990.
Nơi đăng ký HKTT: Số 07/75, Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.
Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt: chị M, vắng mặt: anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2021, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 25/04/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Vợ chồng cố gắng bảo ban nhau làm ăn nhưng anh T không tu chí, sa vào rượu chè rồi chửi bới, đánh vợ và không quan tâm đến gia đình. Tháng 11/2020, vợ chồng sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Cháu Nguyễn Hữu Gia B sinh ngày 07/4/2016 và cháu Nguyễn Hữu Gia H sinh ngày 08/10/2019. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt. Cháu Gia B ở với bố và ông bà nội, cháu Gia H ở với mẹ và ông bà ngoại. Chị M có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Gia H, giao cháu Gia B cho anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị làm nhân viên văn phòng tại công ty may M - huyện T, Thanh Hóa, thu nhập 6.500.000đ/tháng. Chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại thôn X, xã Bắc L, T, Thanh Hóa. Chị có đủ điều kiện kinh tế và sức khoẻ để nuôi con.

Tại Bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2021, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Triệu Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị M xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Cháu Nguyễn Hữu Gia B sinh ngày 07/4/2016 và cháu Nguyễn Hữu Gia H sinh ngày 08/10/2019. Anh T có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Vở phường P, thành phố T , thu nhập bình quân 12 triệu đồng/tháng. Anh hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con, ngoài ra bố mẹ anh còn khỏe, ông bà chăm sóc và đưa đón các cháu đi học.

Về tài sản và nợ: Chị M và anh T đều trình bày thống nhất: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác M ngày 21 tháng 01 năm 2022, đại diện UBND thị trấn T cung cấp: Anh T và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 15/4/2015. Anh T và gia đình có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Triệu Sơn. Quá trình chung sống, vợ chồng anh T có thời gian đi làm ăn không ở địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng địa phương không nhận được báo cáo hay đơn đề nghị hòa giải của gia đình nên địa phương không năm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng anh T. Hiện nay gia đình anh T đã chuyển về huyện Nông Cống ở nhưng khẩu của vợ chồng anh T và các con vẫn đang ở thị trấn Triệu Sơn. Anh T và chị M có hai con chung cháu Nguyễn Hữu Gia B sinh ngày 07/4/2016 và cháu Nguyễn Hữu Gia H sinh ngày 08/10/2019 trong thời gian sống tại địa phương các cháu được bố mẹ chăm sóc tốt, không bị đánh đập bạo hành. Anh T và chị M đều có sức khỏe, có việc làm tạo ra thu nhập, không vi phạm pháp luật và đều có điều kiện nuôi con.

Tại Biên bản xác M ngày 18 tháng 02 năm 2022, đại diện UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cung cấp: Hiện nay anh Nguyễn Hữu T và cháu Nguyễn Hữu Gia B đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hữu Khiêm và bà Lê Thị Giang tại thôn Trinh Khiết, xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, anh T không nhập khẩu về địa phương. Cháu Gia B được bố và ông bà nội chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh, đang học mầm non, cháu không bị đánh đập bạo hành. Anh T có sức khỏe

tốt, công việc và thu nhập ổn định. Trong thời gian anh T đi làm có ông bà chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Anh T có đủ điều kiện nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia B, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị M khởi kiện xin ly hôn anh T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên toà lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên toà. Phiên toà mở lại lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 15/4/2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không chăm lo làm ăn dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, tình cảm rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị M trình bày anh T ham chơi cờ bạc nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng M, anh T cũng chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý về hành vi này nên không có cơ sở xác định anh T chơi cờ bạc.

Tại phiên toà, chị M vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên đã nhiều lần giàn xếp nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Hữu Gia B sinh ngày 07/4/2016 và cháu Nguyễn Hữu Gia H sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển tốt. Cháu Gia B ở với bố và ông bà nội, cháu Gia H ở với mẹ và ông bà ngoại.

Xét điều kiện nuôi con của các đương sự: Chị M và anh T đều có sức khỏe, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Trong thời gian cháu Gia H ở với mẹ, cháu Gia B ở với bố đều được chăm sóc đầy đủ, phát triển tốt về sức khoẻ, không bị bạo hành. Nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn về kinh tế cũng như điều kiện chăm sóc các cháu. Vì vậy, giao mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Cháu Gia H dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị M nuôi dưỡng, anh T tiếp tục nuôi cháu Gia B, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu một bên không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên còn lại có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung: Cháu Nguyễn Hữu Gia B sinh ngày 07/4/2016, cháu Nguyễn Hữu Gia H sinh ngày 08/10/2019. Giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H. Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia B.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0006277 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niệm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND thị trấn Triệu Sơn
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu